



Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Trần Duy Tân

Trường Trung học cơ sở Chu Văn An, thành phố Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 22/10/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 17/11/2023

Ngày nhận đăng: 05/12/2023

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Hoạt động;

Trải nghiệm;

Hướng nghiệp;

Trường trung học cơ sở.

TÓM TẮT

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh trung học cơ sở phát triển năng lực, hình thành phẩm chất và định hướng nghề nghiệp phù hợp. Bài báo này nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động này đã được các trường quan tâm triển khai nhưng vẫn còn hạn chế về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, góp phần thực hiện tốt công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh trong tương lai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) là hoạt động giáo dục bắt buộc được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12; ở cấp tiểu học được gọi là Hoạt động trải nghiệm, ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông được gọi là HĐTN, HN (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). HĐTN, HN giúp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của học sinh (HS) trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp; được triển khai qua bốn mạch nội dung hoạt động chính: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên và Hoạt động hướng nghiệp. Thông qua HĐTN, HN HS được học qua thực tế cuộc sống, được thể hiện kiến thức, kỹ năng mình đã tích lũy được và tự mình thay đổi.

Một số nghiên cứu đã được tiến hành như: Tác giả Phạm Đăng Khoa (2016) nhấn mạnh vai trò của HĐTN, HN, mà cụ thể là “quản lý giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở (THCS) theo định hướng phát triển nhân lực”; Tác giả Lê Tiến Sĩ (2019) với nghiên cứu “Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm theo hướng phát triển năng lực HS ở các trường THCS quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh”. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có nhiều ưu điểm tích cực trong công tác quản lý hoạt động trải nghiệm theo hướng phát triển năng lực HS ở các trường THCS quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế như: xây dựng kế hoạch cho hoạt động trải nghiệm chưa có chất lượng và chưa hiệu quả; việc phân công các tập thể, cá nhân tham gia hoạt động trải nghiệm thực hiện chưa tốt. Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm chưa quan tâm.

Qua các nghiên cứu về HĐTN, HN và quản lý tổ chức HĐTN, HN có thể thấy trong xuyên suốt lịch sử giáo dục thế giới, các nhà giáo dục luôn khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục trải nghiệm. Với chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 nội dung giáo dục TNHN còn được đề cao hơn do sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ, con người cần những kỹ năng để thích ứng, thay đổi phù hợp với xã hội phát triển. Để các nhà quản lý trên địa bàn thành phố Huế có cái nhìn rõ hơn về nội dung Giáo dục, hướng nghiệp cho HS THCS, cần phải đưa các giải pháp hiệu quả giúp hoạt động quản lý về nội dung này được cải thiện.

Tác giả liên hệ: Trần Duy Tân;

Địa chỉ e-mail: tranduytan1980@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.177.2025>

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Khách thể nghiên cứu*: Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của 53 CBQL (cán bộ quản lý) và 120 giáo viên (GV) của 6 trường THCS trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi nhằm tìm hiểu thực trạng quản lý HĐTN, HN ở các trường THCS. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5. Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn và tỉ lệ % của mỗi nội dung. Điểm trung bình của các nội dung khảo sát được chia các mức độ: Từ 1,00-1,8 điểm: Hoàn toàn không hiệu quả; 1,81-2,6 điểm: Không hiệu quả; 2,61- 3,40 điểm: Tương đối hiệu quả; 3,41- 4,20 điểm: Hiệu quả; 4,21-5,0 điểm: Rất hiệu quả. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học với phần mềm SPSS 18.00 nhằm xử lý, thống kê các thông tin, dữ liệu thu được từ các phương pháp nghiên cứu trên.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Các khái niệm cơ bản

- HĐTN, HN: Theo tác giả Đinh Thị Kim Thoa và cộng sự (2019) Hoạt động TN, là HĐGD thông qua sự trải nghiệm của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được ở nhà trường với thực tiễn đời sống mà nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm và dần chuyển hóa thành phẩm chất và năng lực cho HS. Hoạt động trải nghiệm phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HS trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp, được triển khai qua bốn mạch nội dung chính: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng vào xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp (Nguyễn et al., 2016).

- Hoạt động hướng nghiệp: Tác giả Nguyễn Thị Thu Anh (2016) cho rằng “Hướng nghiệp là một hoạt động của các tập thể sư phạm, của các cán bộ thuộc các cơ quan, nhà máy khác nhau, được tiến hành với mục đích giúp cho HS chọn nghề đúng đắn phù hợp với năng lực, hứng thú, thể lực và tâm lý của cá nhân, với nhu cầu nhân lực của xã hội. Hướng nghiệp là một bộ phận cấu thành của quá trình giáo dục - học tập trong nhà trường” (Đinh & Bùi, 2021).

- Quản lý HĐTN, HN: Quản lý hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là hoạt động giáo dục giúp HS có cơ hội để tham gia các hoạt động phát triển bản thân, hoạt động phục vụ cộng đồng và hoạt động hướng nghiệp. Thực hiện hoạt động giáo dục này sẽ góp phần thay đổi mục tiêu giáo dục từ coi trọng trang bị kiến thức sang chú trọng phát triển năng lực và phẩm chất của người học.

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học cơ sở Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

3.2.1. Lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV về hiệu quả việc lập kế hoạch triển khai HĐTN, HN cho HS ở trường THCS

STT	Hiệu quả việc lập kế hoạch triển khai HĐTN, HN	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Lập kế hoạch chung toàn trường về HĐTN, HN cho HS trong toàn bộ năm học.	0,0	1,7	29,2	45,0	24,2	3,92	0,77
2	Lập kế hoạch tổ chức HĐTN, HN cho từng khối lớp với các chủ đề khác nhau	0,8	8,3	13,3	53,3	24,2	3,92	0,88
3	Lập kế hoạch quản lý việc lựa chọn nội dung, phương thức và loại hình triển khai HĐTN, HN.	0,0	13,3	17,5	49,2	20,0	3,76	0,92
4	Lập kế hoạch mua sắm, đầu tư cơ sở, vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ HĐTN, HN phù hợp từng nội dung giáo dục theo chủ đề.	0,0	20,0	18,3	46,7	15,0	3,57	0,97
5	Lập kế hoạch cho việc phối hợp các lực lượng tham gia triển khai HĐTN, HN.	0,0	3,3	11,7	53,3	31,7	4,13	0,74
6	Lập kế hoạch kiểm tra giáo án định kỳ, đột xuất, thực hiện chế độ báo cáo về việc triển khai HĐTN, HN.	0,0	20,8	25,0	32,5	21,7	3,55	1,05

*Ghi chú: 1: Hoàn toàn không hiệu quả; 2: Không hiệu quả; 3: Tương đối hiệu quả; 4: Hiệu quả; 5: Rất hiệu quả. ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả khảo sát bảng 1 cho thấy việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm đã được các trường THCS thực hiện tương đối hiệu quả với điểm trung bình từ 3,55 đến 4,13. Trong 6 phương án, phương án được

CBQL, GV đánh giá có điểm số trung bình cao nhất là “Lập kế hoạch cho việc phối hợp các lực lượng tham gia triển khai HĐTN, HN”. Qua kết quả này cho thấy việc phối hợp giữa các lực lượng rất quan trọng. Hiện nay việc thực hiện HĐTN, HN ở các trường THCS được thực hiện rất linh hoạt: không chỉ diễn ra đối với từng tiết học, từng lớp mà còn có thể tổ chức hoạt động này ở sân trường; không chỉ diễn ra ở trong trường mà có thể tổ chức ở bên ngoài. Chính vì lẽ đó việc phối hợp giữa các lực lượng là rất cần thiết khi tổ chức HĐTN, HN với quy mô lớn ở sân trường cũng như bên ngoài nhà trường nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hiệu quả của việc phối hợp giữa các lực lượng tổ chức HĐTN, HN cho HS còn được chú trọng trong khâu “Lập kế hoạch chung toàn trường về HĐTN, HN cho HS trong toàn bộ năm học.” với điểm số trung bình là (3,92) và có tới 69,2% ý kiến đánh giá đạt ở mức độ “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả”. Hoạt động trải nghiệm để có được kết quả cao nhất không thể không chú trọng khâu lựa chọn được các nội dung, phương thức và loại hình tổ chức. Chính vì vậy, các trường THCS khi tổ chức hoạt động này đã rất chú trọng cho khâu lập kế hoạch để lựa chọn nội dung, phương pháp và loại hình tổ chức.

Trong các phương án khảo sát thì phương án “Lập kế hoạch kiểm tra giáo án định kỳ, đột xuất, thực hiện chế độ báo cáo về việc triển khai HĐTN, HN.” được CBQL, GV đánh giá với mức điểm trung bình thấp nhất trong 6 phương án khảo sát (3,55) và có tới 33,3% lựa chọn đánh giá ở mức độ “Không hiệu quả” và “Tương đối hiệu quả”, 0,8% cho rằng “Hoàn toàn không hiệu quả”. Với kết quả đánh giá này thì trong thời gian tới các trường THCS ở thành phố Huế cần phải chú trọng hơn nữa khâu công tác kiểm tra kế hoạch bài dạy (giáo án), bên cạnh đó hướng đến đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo về việc triển khai hoạt động trải nghiệm cho HS THCS luôn được đảm bảo với hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV về hiệu quả của tổ chức HĐTN, HN cho HS ở trường THCS

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá (%)						ĐTB	ĐLC
1	Thành lập ban tổ chức và chỉ đạo HĐTN, HN.	0,0	4,2	23,3	50,8	21,7	3,90	0,78	
2	Xây dựng quy chế hoạt động của ban tổ chức và chỉ đạo HĐTN, HN.	1,7	3,3	18,3	28,3	48,3	4,18	0,96	
3	Tổ chức thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức HĐTN, HN.	0,0	5,0	21,7	31,7	41,7	4,10	0,91	
4	Bồi dưỡng năng lực tổ chức HĐTN, HN cho các thành viên trong ban tổ chức và chỉ đạo	0,0	5,8	19,2	48,3	26,7	3,96	0,83	
5	Huy động các nguồn lực phục vụ cho tổ chức HĐTN, HN.	0,0	5,8	16,7	50,0	27,5	3,99	0,82	
6	Xác lập mối quan hệ giữa ban tổ chức và chỉ đạo HĐTN, HN.	0,8	6,7	23,3	55,0	14,2	3,75	0,81	

*Ghi chú: 1: Hoàn toàn không hiệu quả; 2: Không hiệu quả; 3: Tương đối hiệu quả; 4: Hiệu quả; 5. Rất hiệu quả. ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Từ kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy hiệu quả của tổ chức HĐTN, HN theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho HS ở trường THCS rất thống nhất với điểm trung bình từ 3,75 đến 4,18. Trong tổ chức thực hiện HĐTN, HN các trường THCS đã xây dựng quy chế hoạt động của ban tổ chức và chỉ đạo HĐTN, HN. Nội dung này được đánh giá với số điểm trung bình cao nhất 4,18 với tỷ lệ 71,6% ý kiến đánh giá đạt ở mức độ “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả”. Điều này chứng tỏ việc xây dựng quy chế hoạt động của ban tổ chức và chỉ đạo nhằm phân công rõ về trách nhiệm của ban chỉ đạo, để từ đó từng cá nhân dựa vào quy chế nhằm thực hiện tổ chức HĐTN, HN theo đúng kế hoạch đã đề ra.

Nội dung “Tổ chức thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức HĐTN, HN” cũng nhận được đánh giá rất cao với điểm trung bình 4,10 và tỷ lệ 73,4% CBQL, GV đánh giá đạt ở mức độ “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả”. Việc thực hiện nội dung phong phú, phương pháp phù hợp và hình thức linh hoạt gây hứng thú cho HS đối với HĐTN, HN. Từ đó các em chủ động trong việc tiếp thu kiến thức, kỹ năng.

Trong các nội dung khảo sát về đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện HĐTN, HN theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS ở các trường thì nội dung “Xác lập mối quan hệ giữa ban tổ chức và chỉ đạo HĐTN, HN” có điểm trung bình thấp nhất (3,75). Vì thế, để nâng cao hiệu quả tổ chức HĐTN, HN theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS ở trường THCS, luận án cần xác lập rõ mối quan hệ này hơn.

3.2.3. Chỉ đạo hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Từ kết quả khảo sát ở bảng 3 dưới đây cho thấy có sự thống nhất cao trong đánh giá về hiệu quả chỉ đạo HĐTN, HN theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS ở các trường THCS: tất cả các biểu hiện của nội dung này đều được CBQL, GV đánh giá cao về hiệu quả chỉ đạo, điểm trung bình chung của các nội dung tương đương nhau: 3,86 đến 4,21.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về hiệu quả chỉ đạo HDTN, HN cho HS ở trường THCS

STT	Chỉ đạo HDTN, HN	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo việc thực hiện mục tiêu HDTN, HN.	0,0	5,8	19,2	41,7	33,3	4,03	0,87
2	Chỉ đạo việc thực hiện nội dung HDTN, HN.	0,0	11,7	21,7	35,8	30,8	3,86	0,99
3	Chỉ đạo việc thực hiện phương pháp HDTN, HN.	1,7	5,0	20,0	47,5	25,8	3,91	0,89
4	Chỉ đạo việc thực hiện hình thức HDTN, HN.	0,8	4,2	13,3	49,2	32,5	4,08	0,83
5	Chỉ đạo việc đánh giá kết quả HDTN, HN.	0,0	4,2	7,5	51,7	36,7	4,21	0,75

*Ghi chú: 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Tương đối đồng ý; 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý.
ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Trong những nội dung hiệu quả chỉ đạo HDTN, HN ở các trường THCS, nội dung được đánh giá cao nhất là “Chỉ đạo việc đánh giá kết quả HDTN, HN” với ý kiến đánh giá điểm trung bình là 4,21 và tỷ lệ hơn 88% ý kiến đánh giá đạt ở mức độ “Đồng ý” và “Rất đồng ý” điều này cho thấy ở các trường THCS đã có sự chỉ đạo thống nhất trong việc đánh giá kết quả HDTN, HN cho HS nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho các em.

Nội dung được đánh giá thấp hơn là “Chỉ đạo việc thực hiện nội dung HDTN, HN” điểm trung bình đánh giá 3,86. Hiện nay, nhiều CBQL ở các trường THCS có thể sẽ lúng túng trong chỉ đạo việc thực hiện nội dung bởi chưa có được lực lượng chuyên sâu về hoạt động này. Đây lại là nội dung rất quan trọng trong chỉ đạo hoạt động nói chung, chỉ đạo tổ chức HDTN, HN ở trường THCS nói riêng. Như vậy, việc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo thực hiện nội dung HDTN, HN theo định hướng phát triển của CBQL và GV còn thấp. Hạn chế này, nếu không sớm khắc phục sẽ ảnh hưởng đến việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện HDTN, HN của CBQL, GV ở các trường THCS của thành phố Huế.

3.2.5. Kiểm tra hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học cơ sở

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ hiệu quả của kiểm tra, đánh giá HDTN, HN cho HS ở trường THCS

STT	Kiểm tra, đánh giá HDTN, HN	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC
1	Xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá việc tổ chức HDTN, HN.	0,8	6,7	15,0	47,5	30,0	3,99	0,89
2	Thiết kế bộ tiêu chí đánh giá việc tổ chức HDTN, HN.	0,0	5,0	15,8	45,0	34,2	4,08	0,83
3	Lựa chọn phương pháp và hình thức đánh giá việc tổ chức HDTN, HN phù hợp.	0,0	3,3	14,2	55,8	26,7	4,06	0,73
4	Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HDTN, HN.	0,0	4,2	18,3	46,7	30,8	4,04	0,81
5	Xử lý kết quả sau kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HDTN, HN.	0,8	10,8	15,0	42,5	30,8	3,92	0,98

*Ghi chú: 1: Hoàn toàn không hiệu quả; 2: Không hiệu quả; 3: Tương đối hiệu quả; 4: Hiệu quả; 5. Rất hiệu quả. ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Từ kết quả bảng 4 ta thấy mức độ hiệu quả của kiểm tra, đánh giá trong HDTN, HN ở trường THCS các nội dung được đánh giá khá tương đồng, ĐTB dao động từ 3,92 đến 4,08, điều này cho thấy đội ngũ CBQL, GV các trường THCS trên địa bàn thành phố Huế thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nội dung cơ bản của công tác kiểm tra, đánh giá về HDTN, HN trong nhà trường.

Nội dung “Thiết kế bộ tiêu chí đánh giá việc tổ chức HDTN, HN” được CBQL, GV đánh giá ở mức cao nhất, với ĐTB: 4,08. Qua đó cho thấy việc xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể theo từng mặt được các trường THCS trên địa bàn thành phố Huế thực hiện tốt nhất, từ việc xây dựng các tiêu chí đánh giá đến việc triển khai, quán triệt cho GV và HS để hiểu rõ và thực hiện. Nội dung “Lựa chọn phương pháp và hình thức đánh giá việc tổ chức HDTN, HN phù hợp” cũng được CBQL, GV đánh giá thực hiện ở mức độ “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả” với tỷ lệ 82,5%, cho thấy các trường đã lựa chọn phương pháp và hình thức đánh giá phù hợp. Qua đó cho thấy các trường đã thực hiện cơ bản khá tốt công tác quản lý của mình, song vẫn còn hạn chế, các nội dung này cần được thực hiện thường xuyên hơn.

Nội dung “Xử lý kết quả sau kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HDTN, HN” là nội dung mà cả CBQL, GV đều đánh giá thực hiện ở mức thấp nhất với ĐTB là 3,92 điểm. Như vậy, trong quá trình quản lý hoạt động trải nghiệm ở trường THCS, nội dung xử lý kết quả điều chỉnh sai lệch sau khi kiểm tra chưa được quan tâm tốt và chưa phù hợp.

Thông qua kết quả khảo sát cho thấy, công tác kiểm tra việc thực hiện HDTN, HN trong các trường THCS được CBQL đảm bảo khá tốt, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục, cần thực hiện một cách thường xuyên hơn, góp phần quản lý HDTN, HN trong nhà trường đạt hiệu quả cao và đạt mục tiêu đã đề ra.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, đội ngũ CBQL và GV ở các trường THCS Thành phố Huế phần lớn đã nhận thức được rất rõ về tầm quan trọng của công tác quản lý HĐTN, HN cho HS. Thông qua đánh giá hiệu quả quản lý HĐTN, HN là hướng đến giúp các trường THCS thực hiện tốt các yêu cầu của chương trình giáo dục mới 2018. Đặc biệt, qua hoạt động này không chỉ giúp các em HS THCS phát hiện được năng lực của bản thân, xác định và định hướng được nhu cầu lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân trong tương lai... Chính vì vậy để nâng cao hiệu quả cho HĐTN, HN cho HS thì các trường THCS cần phải tập trung vào các biện pháp sau: Tổ chức nâng cao nhận thức cho CBQL, GV về tầm quan trọng của HĐTN, HN cho HS ở các trường THCS; Quản lý đổi mới nội dung HĐTN, HN phù hợp với đặc thù của HS các trường THCS; Tăng cường đa dạng hoá phương thức và các loại hình tổ chức HĐTN, HN cho HS ở các trường THCS; Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ GV về kỹ năng tổ chức HĐTN, HN cho HS ở các trường THCS; Quản lý phối hợp các lực lượng tham gia HĐTN, HN cho HS ở các trường THCS; Tổ chức huy động các nguồn lực hỗ trợ cho HĐTN, HN cho HS ở các trường THCS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*. Hà Nội, Việt Nam: Tác giả.
- Đinh, T. K. T., & Bùi, N. D. (2021). *Tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường trung học theo hướng định hướng phát triển năng lực học sinh*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đinh, T. K. T. et al. (2019). *Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Lê, T. S. (2019). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường trung học cơ sở quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 7/2019, 53–60.
- Nguyễn, T. L., Nguyễn, T. H., Tường, D. H., & Đào, T. N. M. (2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trường trung học phổ thông*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. T. A. (2016). Tư vấn hướng nghiệp và tuyển sinh cho học sinh - Kinh nghiệm ở Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt (Kỳ 1, 6/2016), 168–170, 185.
- Phạm, Đ. K. (2016). *Quản lý giáo dục hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển nhân lực thành phố Hồ Chí Minh* (Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội).

Current status of managing experiential and career guidance activities for students in secondary schools in Hue city, Thua Thien Hue province

Tran Duy Tan

Chu Van An Secondary School, Hue City

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 22 October 2023

Received in revised form: 15 November 2023

Accepted: 05 December 2023

Published: 20 December 2025

Keywords:

Activities;

Experience;

Career guidance;

Secondary schools.

Corresponding author:

Tran Duy Tan

E-mail address:

tranduytan1980@gmail.com

ABSTRACT

The article aims to evaluate the current status of managing experiential and career guidance activities for middle school students in Hue city, Thua Thien Hue province. Survey results show that managing experiential activities and career guidance for students has been implemented by secondary schools. However, during the implementation process, the process of planning, organizing implementation, directing implementation, inspection, and evaluation has not yet achieved high levels of efficiency. This provides an important practical basis for proposing measures to help secondary schools improve the effectiveness of experiential and career guidance activities for students. Thereby, it helps improve the distribution of students after middle school, as well as create an environment for middle school students to experience and orient their career choices in the future.